



Tuần 51 (19/12-23/12/22)
BSC WEEKLY REVIEW
Cập nhật chính sách tiền tệ thế giới



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Chờ tín hiệu tăng giá sau gần 2 tuần tích lũy*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Cập nhật chính sách tiền tệ thế giới*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng tiền qua OMO*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index tích lũy chặt chẽ dần xung quanh 1,050 điểm chờ tín hiệu tạo đà tăng trưởng*
5. TIN VĨ MÔ: *NHTW nhiều nước giảm tốc độ thắt chặt CSTT*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 11.67%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Chờ tín hiệu tăng giá sau gần 2 tuần tích lũy

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1052.48	0.06%
GTGD/phiên (tỷ VND)	12,260.97	-21.35%
Khối ngoại (tỷ VND)	1855.78	
HNX-INDEX	212.99	1.17%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1298.35	-26.00%
Khối ngoại (tỷ VND)	39.94	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3852.36	-1.11%	-2.08%	-2.39%
EU (EURO STOXX)	3804.02	-0.83%	-3.52%	-3.08%
China (SHCOMP)	3167.86	-0.02%	-0.02%	2.28%
Japan (NIKKEI)	27527.12	-1.87%	-1.34%	-1.44%
Korea (KOSPI)	2360.02	-0.04%	-0.55%	-3.46%
Singapore (STI)	3240.81	-1.01%	-0.16%	-0.96%
Thailand (SET)	1619.01	-0.08%	-0.09%	-0.06%
Phillipines (PCOMP)	6496.50	-1.07%	-1.27%	1.63%
Malaysia (KLCI)	1478.54	0.78%	0.09%	2.08%
Indonesia (JCI)	6812.19	0.89%	1.45%	-3.81%
Vietnam (VNIndex)	1052.48	-0.27%	0.06%	8.58%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2212	1064.90	0.08%	38,177	29,881
VN30F2301	1060.00	-0.38%	17	362
VN30F2203	1033.40	-2.88%	1,918	19,541
VN30F2206	1047.10	-1.59%	21	542

TTCK VIỆT NAM

TTích lũy chặt chẽ dần, dòng tiền giữ nhịp luân chuyển nhanh

VN-Index đi ngang với mức tăng nhẹ 0.06%. Thị trường phân hóa với 234 cổ phiếu tăng tăng so với 139 cổ phiếu giảm nhưng có đến 15/19 ngành tăng điểm. Hợp đồng tương lai đáo hạn và các ETF cơ cấu danh mục quý IV gây nhiễu và biến động khó lường trong 2 phiên cuối tuần. Tuy nhiên sau phiên giảm mạnh đầu tuần, VN-Index đã trở lại cân bằng và dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh qua một số cổ phiếu và ngành có quy mô vừa và nhỏ. Chỉ số đang có dấu hiệu tích lũy chặt chẽ dần quanh 1,050 điểm chờ tín hiệu để duy trì đà hồi phục hiện tại. Do vậy, chúng tôi cho rằng NĐT có thể tiếp tục canh mua ở vùng thấp rung lắc trong phiên nhằm tận dụng cơ hội trading khi dòng tiền luân chuyển trong vùng tích lũy và chuyển sang vị thế nắm giữ khi chỉ số tiến tới các vùng điểm cao mới sau nhịp tích lũy.

Diễn đàn kinh tế Việt Nam lần thứ 5 được tổ chức 17/12 nhận diện cơ hội và thách thức trong năm 2023. 4 hội thảo liên quan động lực tăng trưởng mới, lành mạnh thị trường tài chính và BĐS, gỡ điểm nghẽn đầu tư công và vốn cho doanh nghiệp và an sinh xã hội sẽ được các Bộ chủ trì. Diễn đàn thảo luận, làm rõ kết quả đạt được, bài học rút ra từ thực tiễn điều hành kinh tế vĩ mô năm 2022 đồn thời nhận diện cơ hội, rủi ro và thách thức trong nước và từ bên ngoài lên nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023. Dự báo các kịch bản tăng trưởng kinh tế và điều hành kinh tế vĩ mô năm 2023; đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách nhằm nắm bắt và cụ thể hóa cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức đưa nền kinh tế phát triển mạnh mẽ trong năm 2023.

TTCK THẾ GIỚI

FED giữ tốc độ tăng lãi suất như dự kiến, TTCK Hoa Kỳ phản ứng tiêu cực với báo cáo bán lẻ sụt giảm

Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm mạnh bình quân 2.5% trước lo ngại suy thoái với báo cáo doanh số bán lẻ giảm 0.6% tháng 11 và FED giữ lộ trình tăng lãi suất. TTCK Hoa kỳ do vậy có mức giảm gần 2% tương đồng với mức giảm của các TTCK chủ chốt Châu Âu. TTCK Á thì có sự phân hóa, Trung Quốc giảm -1.2% sau nhiều tuần tăng điểm trong khi các thị trường khác có mức tăng giảm không rõ rệt. Ở chiều ngược lại, TT hàng hóa lại có mức hồi phục tăng 1.1%. Dẫn đầu đà hồi phục là giá dầu và gas tăng trên 5%, quặng sắt tiếp tục tăng 3.1% sau khi tăng 8% trong tuần trước ngược lại các kim loại và kim loại quý đều giảm điểm. Thị trường tiền tệ, USD tiếp tục suy yếu khi giảm thêm 0.3%, mức giảm chủ yếu so EUR và CHF. VND cũng hồi phục thêm 1%, nâng mức hồi lên trên 5% trong vòng 1 tháng qua. Trong tuần tới, thị trường không có thông tin quan trọng và các thị trường có cơ hội giao dịch ổn định hơn.

FED tăng lãi suất thêm 0.5% kỳ họp tháng 12, nâng mức phạm vi mục tiêu 4.25% - 4.5%, mức cao nhất trong 15 năm. Phần lớn thành viên FED dự báo tăng lãi suất cho đến 5.1%, tương đương phạm vi 5% - 5.25% trong năm 2023 và dừng để quan sát tác động. Họ cũng kỳ vọng sẽ cắt 1% trong năm 2023 để kéo về mức 4.1% vào cuối năm và giảm 1% vào 2024, trước khi lãi suất về vùng trung lập dài hạn 2.5%. Bản đồ “dot-plot” cũng cho thấy nhiều thành viên muốn nâng cao suất cao hơn mức trung vị trong 2023 và 2024. Cùng với đó, FED hạ dự báo tăng trưởng 2023 xuống 0.5% và tăng dự báo lãi thêm 0.3% lên mức 4.8%. FED cũng thắt chặt định lượng, theo đó để 95 tỷ USD trái phiếu mỗi tháng đến hạn mà không tái đầu tư. Trước đó, CPI tháng 11 công bố chỉ ở mức 7.1%, thấp hơn nhiều so với 7.7% của tháng 10. Do vậy, cuộc họp FED này dù đúng mức tăng lãi suất của giới đầu tư nhưng lại không đúng như kỳ vọng về lộ trình và mức tăng lãi suất của thị trường.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng



CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật chính sách tiền tệ thế giới

1. Tình trạng lạm phát thế giới

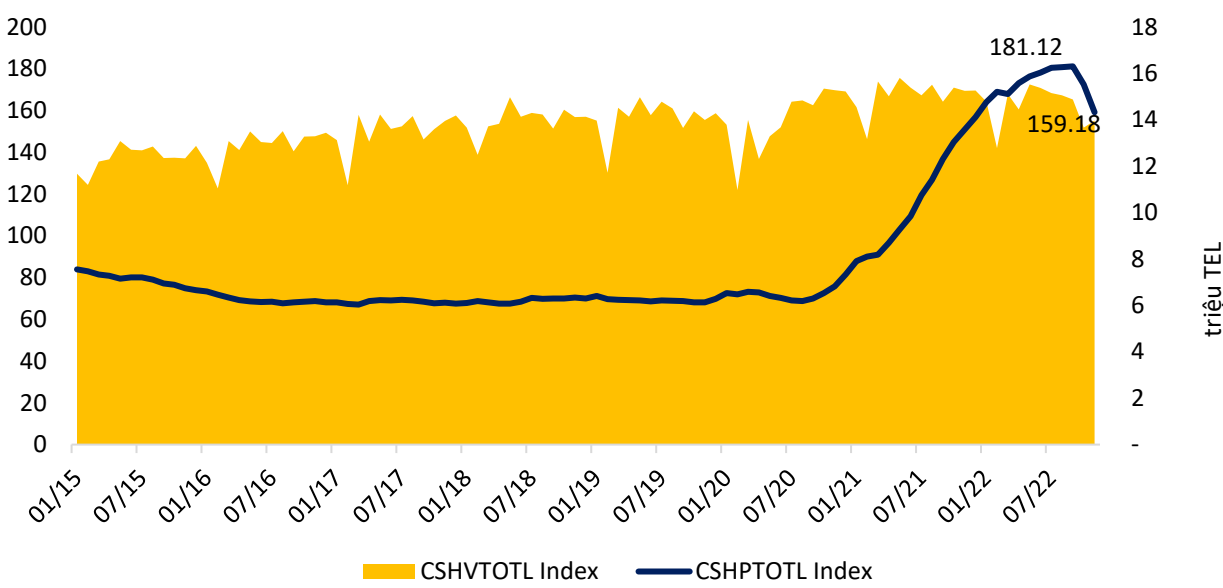
Đà tăng trưởng lạm phát trên thế giới đã tạo đỉnh vào tháng 06/2022 và tiếp tục suy yếu cho đến hiện tại. Chỉ số BCOM-Index, thước đo lạm phát giá cả hàng hóa đã giảm từ mức đỉnh 135.43 (06/2022) xuống mức 116.01 (09/12/2022), giảm -17.5% từ đỉnh và tăng 15.3% YoY. Bên cạnh đó, chỉ số CIS - thước đo trung bình giá cả các containers vận tải trên cũng tạo đỉnh vào tháng 181.12 (09/2022) và giảm xuống mức 159.18 (11/2022), giảm -12.1% từ đỉnh và tăng +5.6% YoY. Chi phí nguyên vật liệu và vận tải đều có xu hướng giảm mạnh cũng đã làm suy giảm áp lực lạm phát lên các nền kinh tế toàn cầu từ tháng 09 (Bảng 01).

Đồ thị 1: Chỉ số BCOM-Index



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 2: Chỉ số vận tải và khối lượng vận tải



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1: Lạm phát tại các quốc gia

	Quốc gia	01/19	02/19	03/19	04/19	05/19	06/19	07/19	08/19	09/19	10/19	11/19	12/19	01/20	02/20	03/20	04/20	05/20	06/20	07/20	08/20	09/20	10/20	11/20	12/20	01/21	02/21	03/21	04/21	05/21	06/21	07/21	08/21	09/21	10/21	11/21	12/21	01/22	02/22	03/22	04/22	05/22	06/22	07/22	08/22	09/22	10/22	11/22
Khu vực	Hoa Kỳ	1.6	1.5	1.9	2.0	1.8	1.6	1.8	1.7	1.7	1.8	2.1	2.3	2.5	2.3	1.5	0.3	0.1	0.6	1.0	1.3	1.4	1.2	1.2	1.4	1.4	1.7	2.6	4.2	5.0	5.4	5.4	5.3	5.4	6.2	6.8	7.0	7.5	7.9	8.5	8.3	8.6	9.1	8.5	8.3	8.2	7.7	7.1
	EU	1.4	1.5	1.4	1.7	1.2	1.3	1.0	1.0	0.8	0.7	1.0	1.3	1.4	1.2	0.7	0.3	0.1	0.3	0.4	-0.2	-0.3	-0.3	-0.3	-0.3	0.9	0.9	1.3	1.6	2.0	1.9	2.2	3.0	3.4	4.1	4.9	5.0	5.1	5.9	7.4	7.4	8.1	8.6	8.9	9.1	9.9	10.6	10.0
	Trung Quốc	1.7	1.5	2.3	2.5	2.7	2.7	2.8	2.8	3.0	3.8	4.5	4.5	5.4	5.2	4.3	3.3	2.4	2.5	2.7	2.4	1.7	0.5	-0.5	0.2	-0.3	-0.2	0.4	0.9	1.3	1.1	1.0	0.8	0.7	1.5	2.3	1.5	0.9	0.9	1.5	2.1	2.1	2.5	2.7	2.5	2.8	2.1	1.6
	Nga	5.0	5.2	5.3	5.2	5.1	4.7	4.6	4.3	4.0	3.8	3.5	3.0	2.4	2.3	2.5	3.1	3.0	3.2	3.4	3.6	3.7	4.0	4.4	4.9	5.2	5.7	5.8	5.5	6.0	6.5	6.5	6.7	7.4	8.1	8.4	8.4	8.7	9.2	16.7	17.8	17.1	15.9	15.1	14.3	13.7	12.6	12.0
Asean 5	Malaysia	-0.7	-0.4	0.2	0.2	0.2	1.5	1.4	1.5	1.1	1.1	0.9	1.0	1.6	1.3	-0.2	-2.9	-2.9	-1.9	-1.3	-1.4	-1.4	-1.5	-1.7	-1.4	-0.2	0.1	1.7	4.7	4.4	3.4	2.2	2.0	2.2	2.9	3.3	3.2	2.3	2.2	2.2	2.3	2.8	3.4	4.4	4.7	4.5	4.0	4.0
	Indonesia	2.8	2.7	2.5	2.8	3.1	2.8	2.8	3.1	3.1	2.9	2.7	2.6	2.7	3.0	3.0	2.7	2.2	2.0	1.5	1.3	1.4	1.4	1.6	1.7	1.6	1.4	1.4	1.4	1.7	1.3	1.5	1.6	1.6	1.7	1.8	1.9	2.2	2.1	2.6	3.5	3.6	4.4	4.9	4.7	6.0	5.7	5.4
	Thái Lan	0.3	0.7	1.2	1.2	1.2	0.9	1.0	0.5	0.3	0.1	0.2	0.9	1.1	0.7	-0.5	-3.0	-3.4	-1.6	-1.0	-0.5	-0.7	-0.5	-0.4	-0.3	-0.3	-1.2	-0.1	3.4	2.4	1.3	0.5	0.0	1.7	2.4	2.7	2.2	3.2	5.3	5.7	4.7	7.1	7.7	7.6	7.9	6.4	6.0	5.6
	Philippines	4.4	3.8	3.4	3.2	3.2	2.7	2.2	1.4	0.5	0.6	1.2	2.4	3.0	2.5	2.2	1.8	1.6	2.3	2.4	2.2	2.2	2.3	3.0	3.3	3.7	4.2	4.1	4.1	4.1	3.7	3.7	4.4	4.2	4.0	3.7	3.1	3.0	3.0	4.0	4.9	5.4	6.1	6.4	6.3	6.9	7.7	8.0
	Singapore	0.4	0.5	0.7	0.9	0.9	0.5	0.2	0.4	0.4	0.5	0.6	0.8	0.8	0.3	0.0	-0.7	-0.8	-0.5	-0.4	-0.4	0.0	-0.2	-0.1	0.0	0.2	0.7	1.3	2.1	2.4	2.4	2.5	2.4	2.5	3.2	3.8	4.0	4.0	4.3	5.4	5.4	5.6	6.7	7.0	7.5	7.5	6.7	6.7
	Vietnam	2.6	2.6	2.7	2.9	2.9	2.2	2.4	2.3	2.0	2.2	3.5	5.2	6.4	5.4	4.9	2.9	2.4	3.2	3.4	3.2	3.0	2.5	1.5	0.2	-1.0	0.7	1.2	2.7	2.9	2.4	2.6	2.8	2.1	1.8	2.1	1.8	1.9	1.4	2.4	2.6	2.9	3.4	3.1	2.9	3.9	4.3	4.4

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: Cập nhật chính sách tiền tệ thế giới

Ngoài ra, tốc độ thắt chặt chính sách tiền tệ tăng khá mạnh trên toàn cầu cũng góp phần giảm áp lực lạm phát thế giới (Bảng 2). Xu hướng này cho thấy động lực thắt chặt chính sách tiền tệ vào năm 2023 đang suy yếu dần và mức tăng lãi suất dự kiến sẽ suy giảm so với năm 2022.

2. Cập nhật chính sách tiền tệ (CSTT) các quốc gia

• Tại các nền kinh tế lớn,

Cuộc đua thắt chặt CSTT có lẽ đã dịu bớt sau khi FED quyết định hạ tốc độ tăng lãi suất. Trong cuộc họp tháng 12 (ngày 13-14/12/2022) vừa rồi, FED quyết định hạ tốc độ tăng lãi suất từ 0.75% của 3 lần trước đó xuống 0.5%. Tại châu Âu và Anh, trong ngày 15/12, ECB và BOE cũng vừa tăng lãi suất điều hành thêm 0.5%, thấp hơn mức tăng 0.75% của cuộc họp lần trước. Mặc dù đã tăng lãi suất chậm lại, nhưng các NHTW này đều vẫn giữ quan điểm tiếp tục tăng lãi suất và mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao.

Trong diễn biến ngược lại, NHTW Trung Quốc (PBOC) vẫn duy trì CSTT nới lỏng cùng với nhiều gói kích thích kinh tế liên tục được ban hành để tạo đà tăng trưởng trong bối cảnh zero-COVID gây ảnh hưởng nặng nề đến khả năng sản xuất kinh doanh, tiêu dùng của nền kinh tế cũng như cuộc khủng hoảng thị trường bất động sản nước này vẫn còn tiếp diễn. Mục tiêu này cũng tương tự như của NHTW Nga (CBR). Sau khi lãi suất điều hành đạt đỉnh 20% vào tháng 3 năm 2022, CBR hạ dần lãi suất trong các cuộc họp sau đó và tính đến tháng 10/2022, lãi suất điều hành được giữ ở mức 7.5%. CBR cũng dự kiến không tăng lãi suất từ mức 7.5% trong cuộc họp chính sách tiền tệ ngày 16/12 dù lạm phát của quốc gia này đang ở mức cao.

• Đối với khu vực ASEAN 6,

Các NHTW tại đây vẫn duy trì trạng thái thắt chặt CSTT theo các nền kinh tế lớn. Tuy nhiên, khi các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ bắt đầu có sự giảm bớt tốc độ nâng lãi suất cũng là động lực để khu vực ASEAN 6 phần nào giảm tốc trong cuộc đua thắt chặt CSTT. Tiêu biểu mới đây, ngày 15/12/2022 Philippines cũng giảm tốc độ tăng lãi suất từ 0.75% trước đó xuống 0.5%.

• Theo dự báo của các tổ chức tài chính:

- + Trung Quốc sẽ tiếp tục duy trì lãi suất ở mức thấp
- + Nga sẽ tiếp tục giảm lãi suất từ năm sau
- + Các nước khác vẫn tiếp tục lộ trình tăng lãi suất

Bảng 2: Chênh lệch lãi suất của các NHTW

	31/12/2021	09/12/2022	Chênh lệch
Hoa Kỳ	0.25	4	3.75
EU	-0.5	1.5	2
Trung Quốc	3.8	3.65	-0.15
Nga	8.5	7.5	-1
Malaysia	1.75	2.75	1
Indonesia	3.5	5.25	1.75
Thái Lan	0.5	1.25	0.75
Philippines	2	5	3
Singapore	0.31	3.13	2.83
Việt Nam	4	6	2

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3: Quá trình nâng lãi suất của các NHTW

Quốc gia	t-1	t	Mức tăng lãi suất tại t-1 (%)	Mức tăng lãi suất tại t (%)	Mức lãi suất hiện tại (%)	Ghi chú
Mỹ	02/11/2022	14/12/2022	0.75	0.50	4.25-4.5	
Trung Quốc	20/10/2022	21/11/2022	0.00	0.00	3.65	
EU	27/10/2022	15/12/2022	0.75	0.50	2.5 2.75 2.00	lãi suất tái cấp vốn lãi suất cho vay cận biên lãi suất tiền gửi
Anh	03/11/2022	15/12/2022	0.75	0.50	3.5	
Nga	16/09/2022	28/10/2022	-0.50	0.00	7.5	
ASEAN 5						
Indonesia	22/09/2022	20/10/2022	0.50	0.50	4.75	
Thailand	28/09/2022	30/11/2022	0.25	0.25	1.25	
Malaysia	08/09/2022	03/11/2022	0.25	0.25	2.75	
Philippines	16/11/2022	14/12/2022	0.75	0.50	5.5	
Vietnam	22/09/2022	24/10/2022	1.00	1.00	6.00	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4: Dự báo lãi suất của các NHTW

Quốc gia/Khu vực	Q4 22				Q1 23				Q2 23				Q3 23				Q4 23			
	Low	Average	Median	High	Low	Average	Median	High	Low	Average	Median	High	Low	Average	Median	High	Low	Average	Median	High
Mỹ	4.25	4.5	4.5	4.75	3.5	4.98	5	5.75	3.25	4.98	5	6	3.25	4.89	5	6	3	4.66	4.88	5.5
Trung Quốc	4.1	4.32	4.35	4.35	4.1	4.32	4.35	4.35	4.1	4.32	4.35	4.35	3.85	4.29	4.35	4.35	3.85	4.29	4.35	4.35
EU	2.25	2.52	2.5	2.75	2.5	3.06	3	3.75	2.5	3.12	3	4	1.5	3.09	3	4	1.5	3.07	3	4
Anh	3	3.51	3.5	3.75	3	4.09	4.13	4.5	3	4.11	4.25	4.5	2.5	4.08	4.25	5	2.5	4.01	4.25	5.5
Nga	7.5	7.5	7.5	7.5	7	7.38	7.4	8	6.25	7.13	7.13	8.25	6	7.03	6.9	8.25	6	6.98	7	8.75
ASEAN 5																				
Indonesia	4.35	4.73	4.8	5.03	4.35	4.88	5.05	5.23	4.36	4.93	5	5.42	4.36	4.95	5	5.5	4.34	4.93	5	5.46
Thailand	1	1.28	1.25	1.75	1.25	1.58	1.5	2.25	1.25	1.72	1.75	2.5	1.25	1.8	1.75	2.5	1.25	1.83	1.75	2.5
Malaysia	2.75	2.75	2.75	2.75	3	3.11	3	3.25	3	3.22	3.25	3.5	3	3.24	3.25	3.5	3	3.24	3.25	3.5
Philippines	5	5.46	5.5	5.75	5	5.83	5.75	6.25	5	5.86	6	6.5	4.75	5.77	5.75	6.5	4.25	5.56	5.75	6.25
Vietnam	4	4.75	4.38	7	4	5.11	5	7	4	5.31	5.25	7	4	5.38	5.25	7	4.5	5.69	5.75	7

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Cập nhật chính sách tiền tệ thế giới*

3. Liên hệ Việt Nam

Trước áp lực thắt chặt CSTT đến từ nhiều NHTW trên thế giới, đặc biệt là Mỹ, NHNN Việt Nam đã hai lần nâng lãi suất điều hành (LSDH) trong tháng 9 và tháng 10, từ 4% lên 6%. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều hành tỷ giá thông qua việc bán ngoại tệ, điều tiết thanh khoản linh hoạt qua nghiệp vụ thị trường mở kể từ cuối tháng 06/2022 và dừng niêm yết tỷ giá mua từ tháng 9 đến giữa tháng 12/2022. Nhờ vậy, Việt Nam vẫn duy trì được lạm phát ở dưới mức mục tiêu 4% (tính đến cuối tháng 11, lạm phát trung bình của VN ở mức 3.02%).

Ở thời điểm hiện tại, lạm phát tại Mỹ đã có dấu hiệu tạo đỉnh, FED cũng xác định con đường dần hạ tốc độ nâng lãi suất. Áp lực tỷ giá đối với VND đã nhẹ đi, NHNN đã có động thái giảm bớt sự thắt chặt CSTT. Tiểu biểu mới đây, NHNN đã nới room tín dụng trong năm 2022 từ 14% lên 15.5%-16%; hỗ trợ thanh khoản cho NHTM bằng cách lần đầu tiên phát hành khối lượng tín phiếu trị giá ~20,000 tỷ đồng kỳ hạn 91 tháng trong tuần từ ngày 5/12-9/12/2022 và tuần 12-16/12/2022; niêm yết lại tỷ giá mua USD. Nhà điều hành cũng cho biết sẵn sàng tạo điều kiện các nguồn lực dài hạn cho các ngân hàng thương mại để có điều kiện cung ứng vốn một cách ổn định.

Tăng trưởng GDP quý 3 đạt 13.67% ở mức cao, cùng với lạm phát 11 tháng vẫn còn dư địa gần 1%, cho thấy Chính phủ có thể đạt được mục tiêu tăng trưởng vĩ mô, kiểm soát lạm phát trong năm nay. Tuy nhiên, sang đầu năm 2023, áp lực lạm phát có thể lớn hơn nữa do mức nền thấp của những tháng đầu năm 2022 và tăng trưởng kinh tế chịu áp lực khi NHNN thắt chặt CSTT để chống lạm phát.

Báo cáo tham khảo

- Báo cáo Tuần 32: Cập nhật CSTT một số NHTW trên thế giới trong bối cảnh lạm phát:
- Báo cáo vĩ mô thị trường tháng 11:

[Link](#)

[Link](#)



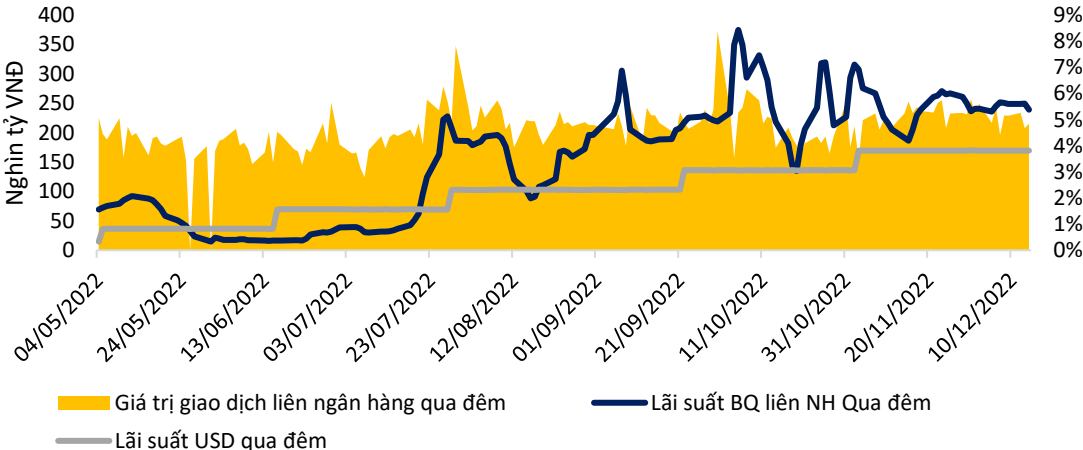
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29
Tuần 45	7/11/2022	11/11/2022	48,679.93	43,028.10	-5,651.83
Tuần 46	14/11/2022	18/11/2022	98,174.75	43,563.11	-54,611.64
Tuần 47	21/11/2022	25/11/2022	23,028.50	29,408.00	6,379.50
Tuần 48	28/11/2022	2/12/2022	43,563.11	45,660.68	2,097.57
Tuần 49	5/12/2022	9/12/2022	29,408.00	37,604.35	8,196.35
Tuần 50	12/12/2022	16/12/2022	45,660.68	72,132.64	26,471.96

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.54%	6.19%	7.07%	7.71%	10.01%	10.69%	8.83%
So với tuần trước	-0.01%	-0.12%	0.64%	-0.70%	-0.83%	0.09%	0.33%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	219,115	6,918	1,317	1,831	1,327	657	43
So với tuần trước	-1.76%	-11.40%	-51.13%	6.74%	100.15%	22.42%	-56.67%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 14/12/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 50, 0 đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 32.13 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 26.47 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản và lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm trong tuần 50.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.54%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 219.12 nghìn tỷ VNĐ



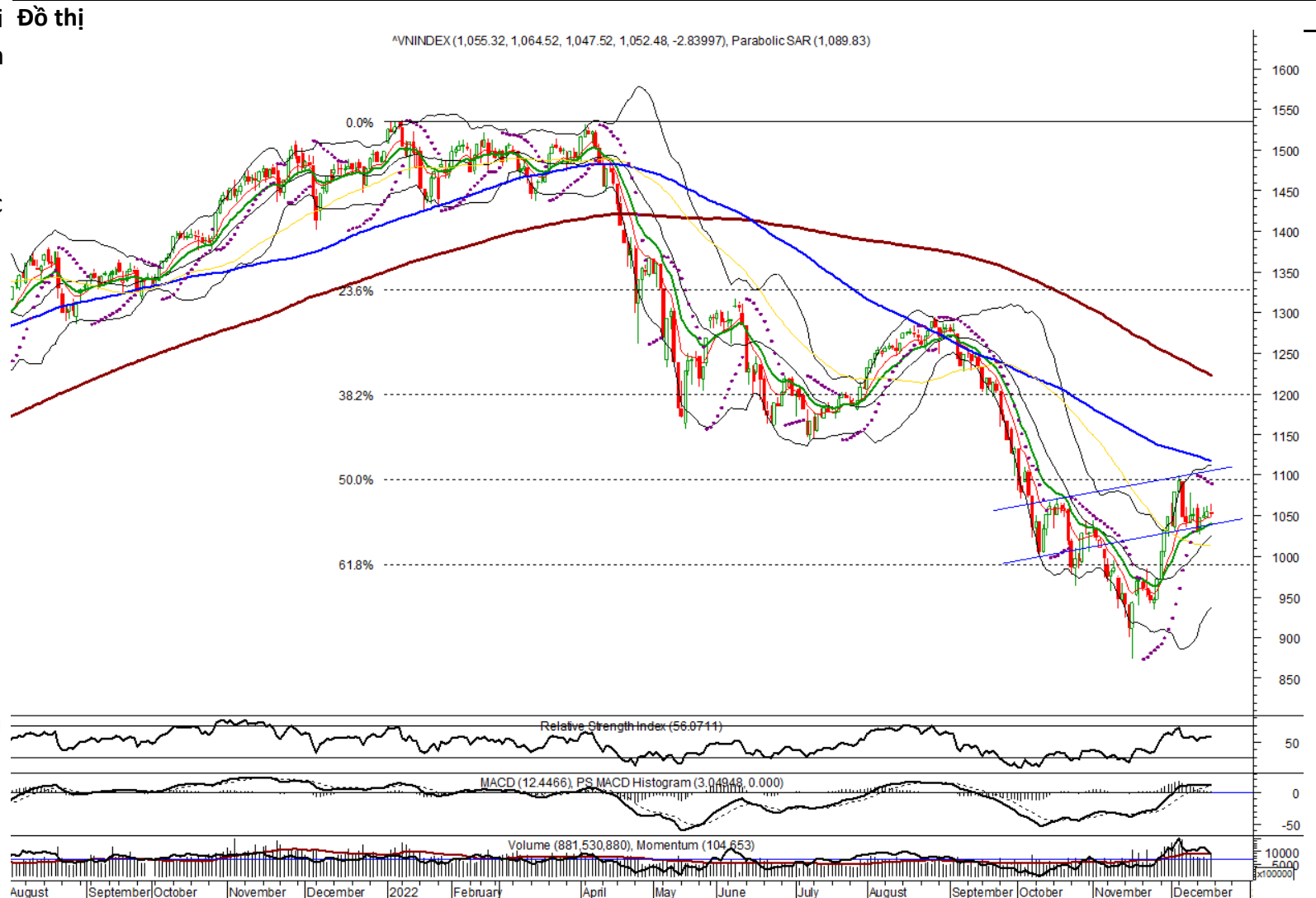
PTKT VN-INDEX: VN-Index tích lũy chặt chẽ dần xung quanh 1,050 điểm chờ tín hiệu tạo đà tăng trưởng

Đồ thị ngày: Sau phiên sụt giảm mạnh đầu tuần, thị trường hồi phục lại với những phiên tăng giảm đan xen và thanh khoản sụt giảm. 3 cây nến doji cuối tuần với thanh khoản có chiều hướng thu hẹp cho thấy chỉ số đang tích lũy chặt chẽ dần xung quanh 1,050 điểm như quan điểm nhận định cuối tuần trước. VN-Index vẫn duy trì trên các đường trung bình động 20 và 50 phiên và cũng chưa có dấu hiệu cảnh báo đảo chiều. Các chỉ báo kỹ thuật trên mức trung bình tiếp tục ủng hộ cho khả năng tích lũy tạo đà tăng trưởng.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giữ nguyên ở mức 56.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và với mức 0. Thanh khoản có dấu hiệu thu hẹp.
- VN-Index giữ trên SMA20 và SMA50. SMA20 cắt SMA50 từ dưới lên.

Nhận định: Áp lực chốt lãi ngắn hạn có phần dịu bớt và VN-Index đang quay lại nhịp tích lũy chặt chẽ dần trên 1,050 điểm. Mặc dù phiên giao dịch cơ cấu danh mục ETF gây nhiễu tuy nhiên nhìn chung diễn biến thị trường khá phù hợp trong bối cảnh thị trường thế giới biến động mạnh, áp lực chốt lãi ngắn hạn và thanh khoản thu hẹp. Diễn biến tuần này không có nhiều khác biệt so với tuần trước nhưng chỉ số đã có thêm 1 tuần tích lũy để rũ bớt lượng hàng bắt đáy giá thấp. VN-Index vẫn có cơ hội hướng tới ngưỡng 1,100 và 1,150 điểm khi duy trì được trên ngưỡng hỗ trợ 1,020 – 1,032 điểm trong vài tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *NHTW nhiều nước giảm tốc độ thắt chặt CSTT*

VIỆT NAM:

- Thủ tướng Chính phủ: ký Công điện số 1156 yêu cầu NHNN xem xét, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất từ NSNN, cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế.
- Thủ tướng: có Công điện số 1163 yêu cầu Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện các biện pháp bảo đảm thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động lành mạnh, minh bạch, an toàn, hiệu quả.
- Chính phủ: có công điện số 1164 về tháo gỡ khó khăn cho thị trường BĐS và phát triển nhà ở.
- Chính phủ: đã ban hành 6 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 5 nghị định của Chính phủ và 1 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nghị định về quy trình biên soạn GDP, GRDP.
- Bộ Tài chính: đang rà soát, cắt giảm các thủ tục, tạo thuận lợi để doanh nghiệp đẩy mạnh phát hành trái phiếu ra công chúng; đồng thời, đưa ra các giải pháp ổn định trở lại kênh phát hành riêng lẻ.
- Bộ Tài chính: ban hành Chỉ thị số 03/CT-BTC về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023.
- Bộ Tài chính: đề xuất lùi thời điểm áp dụng Nghị định 65 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do thị trường đang gặp khó khăn về thanh khoản.
- Bộ Tài chính: ưu tiên cắt giảm thủ tục hành chính trong khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai từ năm 2023.
- NHNN: 11T2022 tín dụng toàn nền kinh tế tăng 12.20% so với cuối năm 2021. TD đối với các lĩnh vực ưu tiên đến T102022 tăng trưởng tốt, có lĩnh vực có mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung.
- NHNN: thành lập Cục quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước để chuyên trách thực hiện công tác quản lý dự trữ ngoại hối trong bối cảnh thị trường tài chính quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.
- NHNN: ban hành quyết định 2081, theo đó, mức lãi suất của các NHTM áp dụng trong năm 2023 đối với dư nợ của các khoản vay hỗ trợ nhà ở tăng lên 5%/năm.
- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam: vừa họp với các hội viên thống nhất áp dụng mức LSHĐ tại các kỳ hạn tối đa 9.5%/năm để ổn định mặt bằng LSHĐ và thanh khoản hệ thống.
- Tổng cục Hải quan: trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa trong kỳ 2 T11.2022 đạt 28.68 tỷ USD, tăng 1% (tương ứng tăng 278 triệu USD) so với kết quả thực hiện trong nửa đầu T11.2022.
- VSD: thực hiện điều chỉnh tỷ lệ ký quỹ chứng khoán phái sinh lên 17% áp dụng từ ngày 15/12/2022.
- ADB: nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên mức 7.5% trong năm nay, từ mức 6.5% đưa ra trong lần dự báo trước. Dự báo lạm phát năm 2022 được điều chỉnh từ 3.8% xuống còn 3.5%.
- Việt Nam và các nhà tài trợ do Liên minh châu Âu (EU) dẫn đầu đã gần tiến tới gói tài trợ khí hậu trị giá 15 tỷ USD để giảm bớt sự phụ thuộc vào than.

THẾ GIỚI:

- FED: nâng lãi suất 50 điểm cơ bản và nâng phạm vi mục tiêu lên 4.25%-4.5%, mức cao nhất trong 15 năm. Mức tăng lần này nhẹ nhàng hơn 4 đợt tăng 75 điểm cơ bản trước đó.
- ECB: đã quyết định tăng ba loại lãi suất chính lên 50 điểm cơ bản và dự kiến sẽ tăng lãi suất hơn nữa dựa trên sự điều chỉnh tăng mạnh đối với triển vọng lạm phát.
- BOE: đã tăng lãi suất thêm 50 điểm cơ bản lên 3.5%, phù hợp với kỳ vọng của thị trường và mức lãi suất là cao nhất kể từ tháng 10 năm 2008.
- IMF: tổng nợ công và tư toàn cầu giảm xuống 247% GDP năm 2021, ít hơn so với 257% vào năm 2020. Đó là mức giảm lớn nhất trong 70 năm qua.
- Mỹ: ngân sách chính phủ tháng 11 -248.5 tỷ USD so với -248 tỷ USD dự kiến, con số này trong tháng 10 là -191.3 tỷ USD.
- Mỹ: CPI tháng 11 tăng 7.1%, thấp hơn con số 7.3% như dự kiến và +0.1% so với cùng kỳ tháng trước. Đây là dấu hiệu cho thấy lạm phát Mỹ đã hạ nhiệt.
- Mỹ: được nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2022 lên 0.5%, năm 2023 hạ 0.5% trong buổi họp FOMC.
- Trung Quốc: được cho là trì hoãn cuộc họp kinh tế quan trọng trong bối cảnh số ca nhiễm Covid gia tăng sau khi chính phủ nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch.
- Trung Quốc: khiếu nại lên WTO nhằm chống lại Mỹ và các biện pháp kiểm soát xuất khẩu chip của nước này.
- Trung Quốc: 36 công ty của nước này bị chính phủ Mỹ đưa vào danh sách đen, bao gồm cả YMTC. Xung đột thương mại Mỹ - Trung tiếp tục căng thẳng.
- Anh: CPI tháng 11 tăng 0.4% so với cùng kỳ tháng trước và tăng 10.7% so với cùng kỳ năm trước.
- Đức: CPI tháng 11 tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát tiếp tục giữ ở mức 2 con số, mặc dù áp lực chung đã giảm bớt trong tháng trước.
- Nhật Bản: dự kiến sẽ tăng giới hạn hàng năm đối với các khoản đầu tư miễn thuế nhằm vào tầng lớp trung lưu và tăng thuế đối với những cá nhân cực kỳ giàu có.

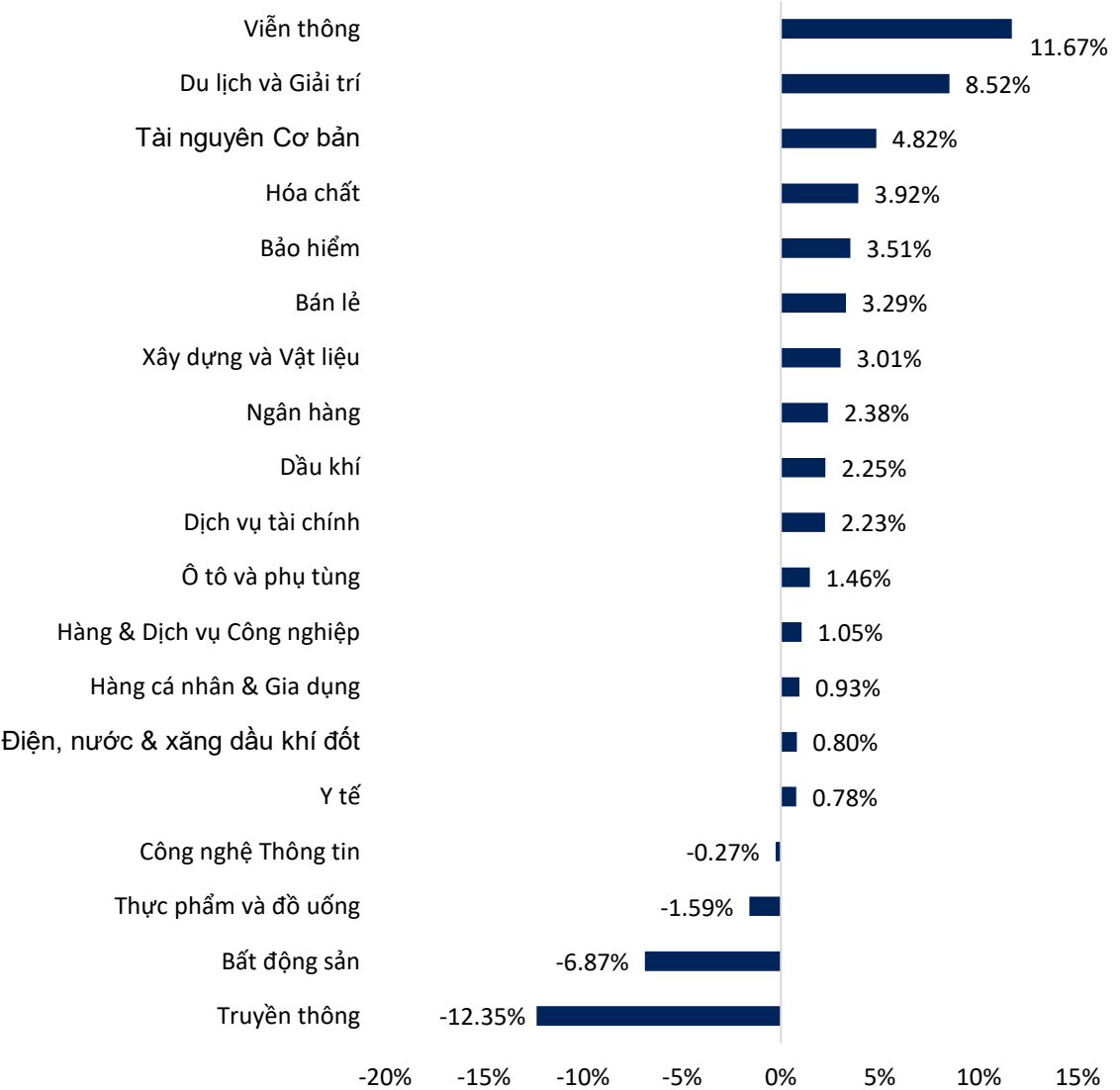
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh mua ròng. Dòng tiền luân chuyển tìm cơ hội qua các ngành và cổ phiếu
- Thông tin về Diễn đàn kinh tế Việt Nam và dự báo kinh tế vĩ mô và dự báo thị trường 2023 của các tổ chức
- Ngày 19/12, Báo cáo môi trường kinh doanh Đức. 20/12, Chính sách lãi suất và Biên bản chính sách tiền BOJ; Cán cân vãng lai EU; Doanh thu bán lẻ Canada; Giấy phép xây dựng Hoa Kỳ. 21/12, CPI Nhật và Canada; Chỉ số niềm tin tiêu dùng và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 22/12, GDP công bố lần cuối Anh, Hoa Kỳ; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 23/12, GDP Canada; Đơn đặt hàng hóa lâu bền và Doanh thu bán nhà mới Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Viễn thông	0.00%	11.67%	16.52%	VGI	10.78%		
Du lịch và Giải trí	1.93%	8.52%	23.62%	HVN	28.51%	VJC	1.35%
Tài nguyên Cơ bản	4.50%	4.82%	43.21%	HPG	6.25%	HSG	4.25%
Hóa chất	0.23%	3.92%	28.87%	DRC	0.23%	DGC	7.08%
Bảo hiểm	0.28%	3.51%	13.90%	BVH	3.55%	PVI	3.54%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	74.29	-2.39%	4.60%	-13.87%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	79.04	-2.67%	3.86%	-13.76%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	213.23	-1.59%	3.71%	-13.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,793.08	0.91%	-0.24%	1.08%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	23.22	0.60%	-1.06%	8.16%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,483.75	0.47%	-0.30%	1.51%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	753.50	-0.50%	2.62%	-11.14%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.50	-0.19%	0.00%	-6.09%	VNM, GTN, QNS	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	230.50	0.17%	0.22%	4.77%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	20.09	0.55%	2.50%	-0.99%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	164.40	-4.28%	3.95%	3.07%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,266.50	-0.33%	-3.24%	-0.33%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,067.00	0.89%	0.89%	10.19%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,375.00	-0.38%	-4.25%	-1.53%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	824.00	0.86%	0.86%	15.57%		HPG
Than đá	USD/MT	372.00	-1.21%	-2.64%	20.33%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	592.34	0.61%	0.61%	12.09%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	3.10%	2.85
VPB	9.47%	2.71
HVN	28.51%	1.86
HPG	6.25%	1.75
EIB	22.87%	1.58
TCB	3.19%	0.79
NVL	9.31%	0.76
GVR	4.98%	0.75
MBB	3.30%	0.68
MWG	3.57%	0.61
Tổng		14.34

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-13.86%	-9.00
VHM	-8.87%	-5.24
VRE	-9.34%	-1.58
MSN	-3.61%	-1.25
VNM	-2.50%	-1.05
KDH	-8.49%	-0.46
BID	-0.77%	-0.38
PDR	-12.12%	-0.34
LPB	-3.65%	-0.19
OCB	-2.78%	-0.15
Tổng		-19.64

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
NVL	277.79	0.26
VND	256.00	19.60
VHM	176.37	24.19
SSI	167.05	41.03
HPG	155.52	21.17
DGC	150.87	16.33
CTG	140.03	27.66
VCI	114.56	19.10
FRT	109.39	26.26
HCM	106.73	41.39
Tổng	1,654.33	

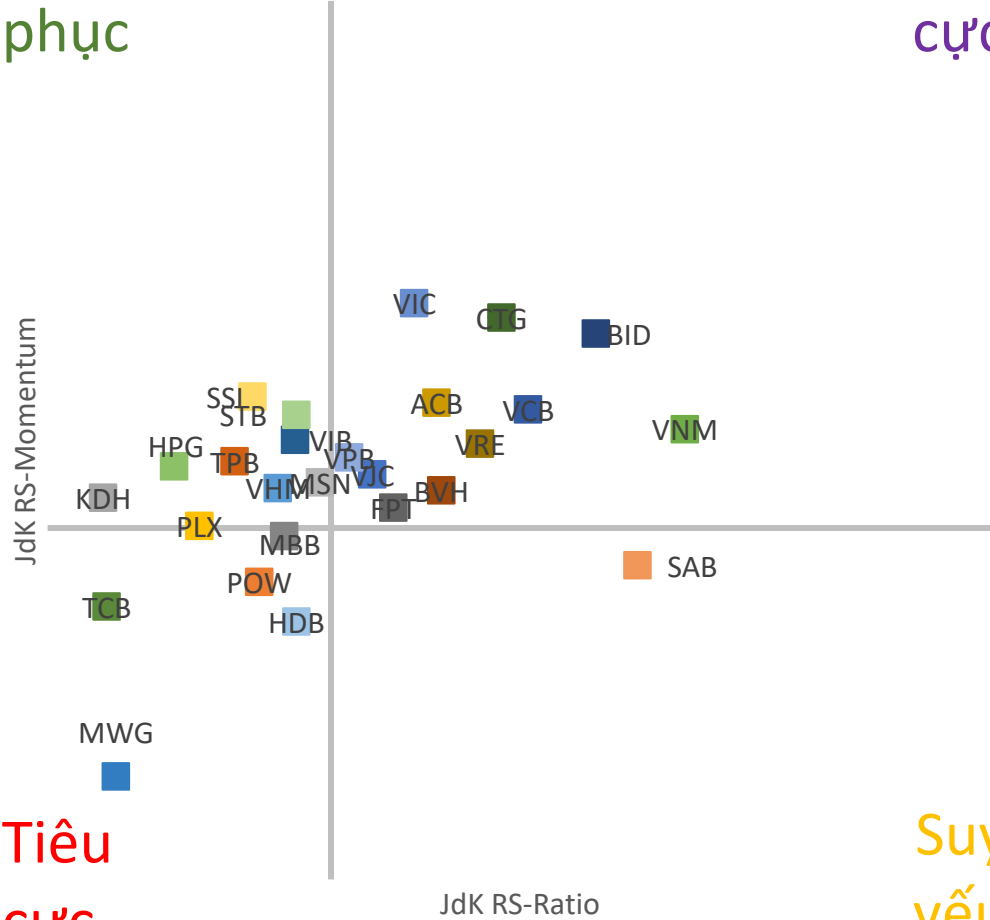
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	-412.74	56.05
VRE	-138.60	32.26
VIC	-79.36	12.90
MSN	-61.94	30.55
THD	-60.46	
KDH	-45.63	37.67
EIB	-41.73	23.76
GAS	-39.30	2.96
PDR	-37.53	4.92
FUEVFN	-33.64	
Tổng	-950.94	

Vận động cổ phiếu VN30			
VJC	102.1949	101.5192	0.18%
VNM	118.7432	102.8052	9.86%
BVH	105.8472	101.0616	6.20%
FPT	103.3091	100.5694	-5.46%
VRE	107.9012	102.3941	-8.07%
BID	114.0258	105.5238	23.30%
CTG	109.0424	105.9819	29.86%
VIC	104.4054	106.3948	5.23%
ACB	105.5958	103.5628	6.48%
VCB	110.4407	103.3678	12.89%
GAS	111.3011	100.9007	-0.56%
VPB	100.9711	102.0017	-3.48%
VHM	97.20673	101.1296	-13.81%
KDH	87.9525	100.8584	-12.14%
PLX	93.05002	100.0512	-0.10%
VIB	98.12087	102.5041	-1.65%
MSN	99.43784	101.2897	-0.53%
HPG	91.71356	101.7461	-10.13%
TPB	94.90925	101.888	-3.56%
SSI	95.8535	103.7319	-0.73%
STB	98.18207	103.2126	6.29%
SAB	116.2341	98.93439	-2.80%
POW	96.20884	98.45615	-14.55%
PDR	72.67887	79.67925	-71.57%
NVL	74.08347	76.15695	-78.46%
MWG	88.62373	92.92717	-19.71%
MBB	97.53068	99.76362	-10.48%
TCB	88.1417	97.7613	-14.77%
HDB	98.17278	97.33344	-5.98%
GVR	81.32928	93.33882	-16.59%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	23	19.1	20.42%	24.4	6.09%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	80	75	6.67%	94.2	17.75%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.8	13.6	8.82%	18.7	26.35%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	56.9	37.7	50.93%	51.2	-10.02%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	16	10.6	50.94%	14.1	-11.88%	Click
7	DRC	Ô tô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.5	17.1	25.73%	28	30.23%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	77.9	65.9	18.21%	84.6	8.60%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	74.7	59.8	24.92%	75.3	0.80%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.2	8.20%	15.7	18.94%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	37.50	29.00	29.31%	43.40	15.73%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	23	16.7	37.72%	18.1	-21.30%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	21	19	13.49%	24	10.02%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	47.85	37.9	26.25%	50.3	5.12%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	112.9	94.1	19.98%	118.9	5.31%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	11.45	10.45	9.57%	13	13.54%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	17.75	13.6	30.51%	19.7	10.99%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	23.1	19.1	20.94%	28	21.21%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	21.2	17.5	21.14%	24.3	14.62%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12	10.00%	16	21.21%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	79	70.2	12.54%	86	8.86%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	79.7	75	6.27%	90.3	13.30%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	40.4	34.9	15.76%	48	18.81%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	71	74.9	-5.21%	87.2	22.82%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	78	77	1.30%	85.9	10.13%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	26.2	25	4.80%	31.8	21.37%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

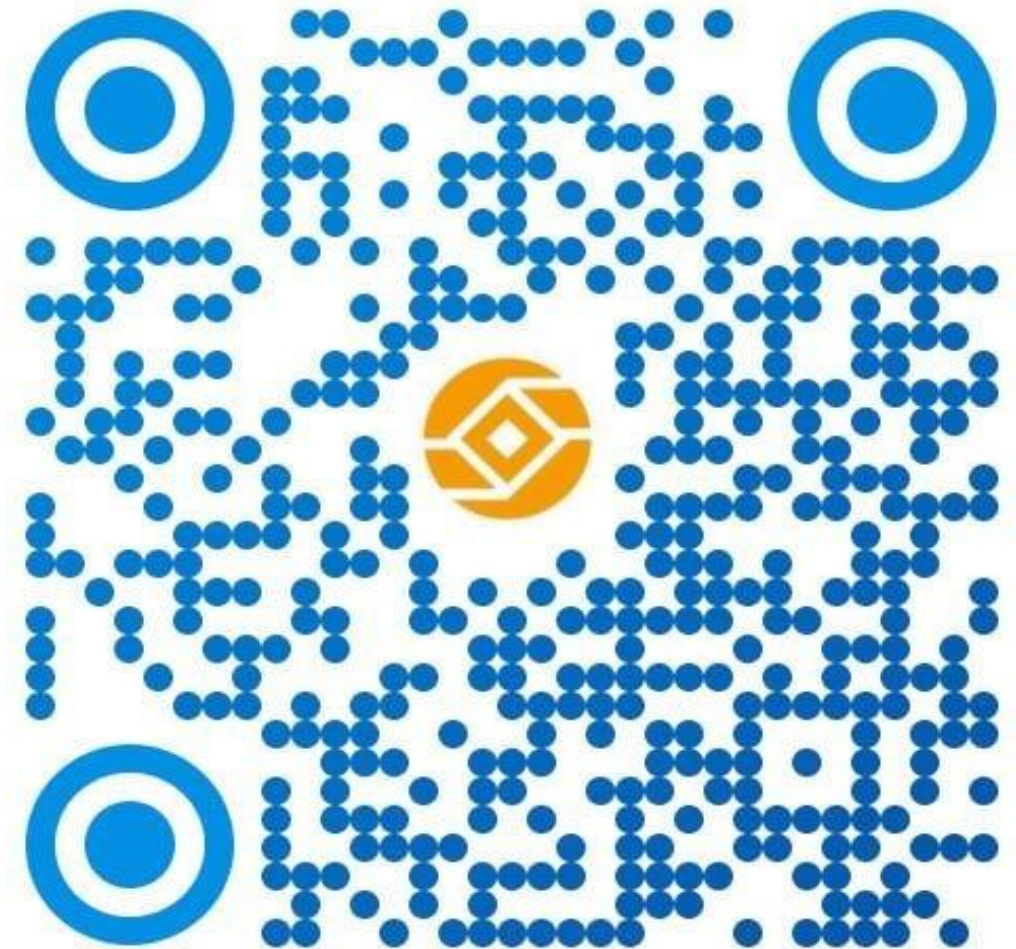
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

